

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 10/05/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ Đ LỚp:

ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH

CS 2345

Tin chỉ:

Học kì:

Lần thi:

N17KDN

1

4

1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	ĐIỂM		ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					GVHD	GVPB	SỐ	CHỮ	
					2	3	5		
1	1713219820	Cung Đình	An	N17KDN1	9.3	9	9.1	Chín phẩy Một	
2	1713219821	Lê Đình	An	N17KDN1	6.0	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
3	1712219828	Nguyễn Văn	Anh	N17KDN1	9.3	8.3	8.7	Tám phẩy Bảy	
4	1712219829	Trần Thị	Bé	N17KDN1	6.3	5.3	5.7	Năm phẩy Bảy	
5	1713219835	Lê Hùng	Cường	N17KDN1	6.6	5.6	6.0	Sáu	
6	1712219841	Hồ Thị	Dung	N17KDN1	7.6	6.6	7.0	Bảy	
7	1712219840	Đậu Thị Thùy	Dung	N17KDN1	7.6	6.6	7.0	Bảy	
8	1713219842	Nguyễn Việt	Dũng	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	
9	1712219844	Mai Thị	Dương	N17KDN1	5.9	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
10	1712219847	Cao Thị Minh	Giang	N17KDN1	6.8	5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
11	1712219863	Võ Thị Mỹ	Linh	N17KDN1	8.7	7.7	8.1	Tám phẩy Một	
12	1712219871	Nguyễn Thị Trúc	My	N17KDN1	6.2	5.2	5.6	Năm phẩy Sáu	
13	1712219876	Huỳnh Nguyễn Hoài	Như	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	
14	1713219884	Lê Viết Hoàn	Sang	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	
15	1712219894	Võ Thị Hoài	Thu	N17KDN1	7.6	6.6	7.0	Bảy	
16	1712219851	Lê Nguyễn Mỹ	Hạnh	N17KDN1	9.0	8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
17	1713219852	Trần Hữu	Hậu	N17KDN1	7.2	8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
18	1712219857	Vương Thị Yến	Hồng	N17KDN1	9.3	8.3	8.7	Tám phẩy Bảy	
19	1713219864	Trần Văn	Lộc	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	HP
20	1713219869	Nguyễn Anh	Minh	N17KDN1	8.2	7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
21	1712219877	Phạm Thị Hồng	Nhung	N17KDN1	9.0	8	8.4	Tám phẩy Bốn	
22	1713219874	Nguyễn Nghiêm Đại	Nghĩa	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	HP
23	1712219878	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	N17KDN1	5.1	5.1	5.1	Năm phẩy Một	
24	1713219879	Phạm Thanh	Phong	N17KDN1	8.5	8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
25	1712219882	Tạ Nhật Minh	Phương	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	HP
26	1712219886	Nguyễn Thị Ánh	Sáng	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	HP
27	1713219889	Đinh Chí	Thảo	N17KDN1	8.3	7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
28	1712219890	Nguyễn Thị Nam	Thảo	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	
29	1712219900	Cao Thị Thanh	Thủy	N17KDN1	9.2	9.2	9.2	Chín phẩy Hai	
30	1712219897	Phạm Thị Anh	Thương	N17KDN1	5.8	6	5.9	Năm phẩy Chín	
31	1712219903	Hồ Thị Thủy	Tiên	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	HP
32	1712219907	Nguyễn Lê Quỳnh	Trang	N17KDN1	5.9	6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
33	1713219911	Nguyễn Ngọc	Tú	N17KDN1	6.5	7	6.8	Sáu phẩy Tám	
34	1713219917	Nguyễn Quốc	Việt	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	
35	1712219825	Trần Thị Kim	Anh	N17KDN1	7.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
36	1712219830	Nguyễn Ngọc	Bích	N17KDN1	5.6	6.5	6.1	Sáu phẩy Một	
37	1713219832	Trần Minh	Cang	N17KDN1	6.7	6.7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
38	1712219833	Ngô Thị Lan	Chi	N17KDN1	5.7	6.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
39	1713219854	Đặng Trung	Hiếu	N17KDN1	8.3	8.8	8.6	Tám phẩy Sáu	
40	1713219858	Nguyễn Ngọc	Hùng	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	HP
41	1712219898	Đậu Thị Thu	Thúy	N17KDN1	8.6	9	8.8	Tám phẩy Tám	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 10/05/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐULO:

ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH

CS 2345

Tin chỉ:

Học kì:

Lần thi:

N17KDN

1

4

1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	ĐIỂM		ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					GVHD	GVPB	SỐ	CHỮ	
42	1712219899	Trần Thị	Thùy	N17KDN1	5.5	6.5	6.1	Sáu phẩy Một	
43	1712219904	Trần Lê Thùy	Tiên	N17KDN1	7.3	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
44	1713219905	Nguyễn Tấn	Toàn	N17KDN1	7.0	7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
45	1713219909	Lê Quang	Trí	N17KDN1	0.0	V	0.0	Không	HP
46	1713219867	Lê Vũ	Lương	N17KDN1	5.0	5	5.0	Năm	
47	1713219870	Lưu Ngọc	Minh	N17KDN1	7.5	7	7.2	Bảy phẩy Hai	
48	1712219873	Võ Thị Quỳnh	Ngân	N17KDN1	5.5	6	5.8	Năm phẩy Tám	
49	1712219875	Nguyễn Thị	Nhi	N17KDN1	5.7	6	5.9	Năm phẩy Chín	
50	1712219880	Phạm Thị Ánh	Phúc	N17KDN1	8.4	9	8.8	Tám phẩy Tám	
51	1712219885	Lê Thị Thu	Sang	N17KDN1	6.7	7	6.9	Sáu phẩy Chín	
52	1712219888	Nguyễn Thị Bích	Thành	N17KDN1	5.7	6	5.9	Năm phẩy Chín	
53	1713219891	Võ Nguyễn Minh	Thiên	N17KDN1	5.0	6	5.6	Năm phẩy Sáu	
54	1712219901	Bùi Thị	Thủy	N17KDN1	7.4	8	7.8	Bảy phẩy Tám	
55	1712219902	Nguyễn Thị Thu	Thủy	N17KDN2	7.4	8	7.8	Bảy phẩy Tám	
56	1712219914	Hồ Thị Ánh	Tuyết	N17KDN2	7.4	8	7.8	Bảy phẩy Tám	
57	1713219919	Phan Thanh	Vũ	N17KDN2	1.5	V	0.0	Không	
58	1712219823	Đỗ Thị Yến	Anh	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	HP
59	1713219824	Nguyễn Hồng	Anh	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	
60	1713219837	Nguyễn Anh	Đức	N17KDN2	6.4	7	6.8	Sáu phẩy Tám	
61	1713219836	Phan Minh Giác	Đức	N17KDN2	5.9	6.9	6.5	Sáu phẩy Năm	
62	1712219846	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	N17KDN2	5.0	4	0.0	Không	
63	1712219850	Bùi Diễm	Hằng	N17KDN2	8.0	8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
64	1713219856	Trần Nhật	Hoàng	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	
65	1712219859	Lê Phan Thùy	Hương	N17KDN2	7.1	7	7.0	Bảy	
66	1713219865	Đinh Hoàng	Long	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	HP
67	1712219881	Phí Thị Minh	Phương	N17KDN2	8.1	7.1	7.5	Bảy phẩy Năm	
68	1713219887	Nguyễn Văn	Sơn	N17KDN2	5.0	4	0.0	Không	
69	1712219892	Nguyễn Thị Kim	Thoa	N17KDN2	5.8	6	5.9	Năm phẩy Chín	
70	1712219896	Nguyễn Thị	Thương	N17KDN2	7.6	8.5	8.1	Tám phẩy Một	
71	1713219906	Phan Thanh	Toàn	N17KDN2	5.0	4	0.0	Không	
72	1712219908	Nguyễn Thị	Trang	N17KDN2	7.1	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
73	1713219913	Hoàng Minh	Tuấn	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	
74	1712219916	Nguyễn Thị Thanh	Vân	N17KDN2	7.8	8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
75	1712219921	Nguyễn Thị Thảo	Vy	N17KDN2	5.0	4	0.0	Không	
76	1713219838	Nguyễn Minh	Đức	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	HP
77	1713114743	Nguyễn Hà Công	Thành	N17KDN2	5.0	5	5.0	Năm	
78	1712219826	Trần Tịnh Quỳnh	Anh	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	HP
79	1713219827	Trần Thế	Anh	N17KDN2	5.9	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
80	1712219831	Phạm Thị	Bốn	N17KDN2	6.9	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
81	1713219845	Trần	Duy	N17KDN2	5.3	5	5.1	Năm phẩy Một	
82	1712219848	Phạm Trần Thu	Hà	N17KDN2	7.3	7	7.1	Bảy phẩy Một	
83	1712219849	Vương Mỹ	Hằng	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM		ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				GVHD	GVPB	SỐ	CHỮ	
84	1712219860	Đinh Thị Thu Hương	N17KDN2	0.7	V	0.0	Không	
85	1713219862	Phạm Vũ Linh	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	HP
86	1713219912	Nguyễn Lê Anh Tú	N17KDN2	9.0	8	8.4	Tám phẩy Bốn	
87	1713219918	Phạm Thanh Việt	N17KDN2	9.0	8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
88	1713219922	Phan Nhật Vỹ	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	
89	1713219822	Nguyễn Hồng Ân	N17KDN2	0.0	V	0.0	Không	HP

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	60	
2	Số sinh viên nợ	29	
TỔNG CỘNG :		89	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 05 năm 2013

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Hữu Phú